

Tân Bình, ngày 14 tháng 8 năm 2020

Số: 654/2020/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 149, 212, 213, 361 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 429/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Anh A, sinh năm: 1991; địa chỉ: đường C, khu phố D, phường E, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh

Và chị B, sinh năm: 1991; địa chỉ: đường H, Phường I, quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh A và chị B chung sống với nhau từ năm 2018 trên cơ sở cả hai cùng tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 10, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 19/2018 ngày 19 tháng 01 năm 2018 nên xác định quan hệ hôn nhân giữa anh A và chị B là hợp pháp và được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống ở nhà bố mẹ đẻ của anh A tại địa chỉ đường C, khu phố D, phường E, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng dần dần phát sinh mâu thuẫn do cả hai không hòa hợp về phong tục, lối sống, mâu thuẫn trong công việc, ngoài ra còn bất đồng về cách nuôi dạy con cái. Sau khi chị B mang thai được một thời gian thì vợ chồng sống ly thân, chị B chuyển về nhà bố mẹ đẻ của mình tại quận Tân Bình sinh sống cho đến nay. Trong thời gian ly thân, vợ chồng đã nhiều lần cố gắng hàn gắn những mâu thuẫn để đoàn tụ nhưng không thành. Nay cả hai nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm thương yêu giữa vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng anh A và chị B đã trầm trọng, tình cảm yêu thương vợ chồng đã hết, đời sống chung không thể kéo

dài, mục đích của hôn nhân không đạt được và hai bên thật sự tự nguyện ly hôn. Vì vậy, Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho anh A và chị B.

[2] Về con chung: Anh A và chị B có 01 con chung A2, sinh ngày 11/7/2019. Hai bên thỏa thuận giao con chung cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng, anh A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn) đồng/01 tháng cho đến khi con chung tròn đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hằng tháng vào ngày 15 dương lịch, bắt đầu thực hiện từ ngày 15/8/2020. Nhận thấy hai bên đã thỏa thuận được với nhau về người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của con chưa thành niên nên Tòa án công nhận thỏa thuận này của các đương sự.

[3] Về tài sản chung: Anh A và chị B xác định không có tài sản chung.

[4] Về nghĩa vụ dân sự chung, nợ chung: Anh A và chị B khai không có nên không xem xét.

[5] Về lệ phí Tòa án: Lệ phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn) đồng, anh A và chị B mỗi người phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn) đồng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh A và chị B thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung A2, sinh ngày: 11/7/2019 cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng. Anh A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu A2 là 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn) đồng/01 tháng cho đến khi cháu tròn đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hằng tháng vào ngày 15 dương lịch, bắt đầu thực hiện từ ngày 15/8/2020.

Anh A được quyền đến thăm, chăm sóc và giáo dục con, vì lợi ích của con, khi cần thiết cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền cấp dưỡng phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Các bên thực hiện dưới sự giám sát của Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Về tài sản chung: Anh A và chị B xác định không có tài sản chung.

- Về nghĩa vụ dân sự chung, nợ chung: Anh A và chị B khai không có nên không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn) đồng, anh A và chị B mỗi người phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn) đồng

nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn) đồng anh A và chị B đã nộp theo biên lai thu tạm ứng lệ phí Tòa án số AA/2019/0016425 ngày 09 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Anh A và chị B đã nộp đủ lệ phí.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- UBND Phường 10, quận Tân Bình,
Tp. Hồ Chí Minh (Giấy chứng nhận kết hôn
số 19/2018, ngày 19 tháng 01 năm 2018);
- Chi cục THA dân sự quận Tân Bình;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Đặng Xuân Chính